

**ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN**

NGUYỄN THỊ GIANG

**THỰC HIỆN CHỦ TRƯỞNG CỦA ĐẢNG VỀ GIÁO DỤC
PHỔ THÔNG Ở CÁC TỈNH BIÊN GIỚI ĐÔNG BẮC
VIỆT NAM TRONG KHÁNG CHIẾN CHỐNG MỸ CỨU
NƯỚC (1954 – 1975)**

Chuyên ngành: Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam

Mã số : 62 22 03 15

TÓM TẮT LUẬN ÁN TIẾN SĨ LỊCH SỬ

HÀ NỘI - 2020

Công trình được hoàn thành tại:
Trường Đại học Khoa học xã hội và nhân văn - Đại học Quốc gia Hà Nội

Người hướng dẫn khoa học: PGS.TS Trịnh Thị Hồng Hạnh

Phản biện 1:

Phản biện 2:

Phản biện 3:

**Luận án sẽ được bảo vệ trước Hội đồng chấm luận án cấp cơ sở
họp tại Trường Đại học Khoa học xã hội và nhân văn -
Đại học Quốc gia Hà Nội
vào hồigiờ..... ngày tháng năm 2020**

Có thể tìm hiểu luận án tại:

- Thư viện Quốc gia Việt Nam

- Trung tâm thông tin - thư viện, Đại học Quốc gia Hà Nội

**DANH MỤC CÔNG TRÌNH KHOA HỌC
CỦA TÁC GIẢ LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN**

1. Nguyễn Thị Giang (2019), “Giáo dục phổ thông ở các tỉnh biên giới phía Đông Bắc Việt Nam từ năm 1954 đến năm 1965”, *Tạp chí Thông tin Khoa học Lý luận Chính trị*, Số 3 (52), tr.80-85.
2. Nguyễn Thị Giang (2019), “Phát triển giáo dục phổ thông ở tỉnh Cao Bằng (1954 - 1960)”, *Tạp chí Lịch sử Đảng* (2), tr. 105-108.

MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài

Giáo dục phổ thông (GDPT) là bậc học có tầm quan trọng đặc biệt trong hệ thống giáo dục (GD) quốc dân Việt Nam. GDPT đặt những cơ sở ban đầu cho sự phát triển toàn diện về đạo đức, trí tuệ, thể chất, thẩm mỹ và các kỹ năng cơ bản hình thành nhân cách con người, làm nền tảng cho học sinh (HS) tiếp tục học lên những bậc cao hơn như: trung cấp, cao đẳng, đại học, đi vào cuộc sống lao động, tham gia xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Nhận thức được tầm quan trọng của GDPT, từ năm 1954 đến năm 1975, Đảng Lao động Việt Nam đã đề ra đường lối, chủ trương phát triển GDPT, nhằm phục vụ công cuộc xây dựng và bảo vệ miền Bắc, chi viện cho miền Nam. Có thể nói GDPT ở miền Bắc thời kỳ 1954-1975 đã đạt được những thành tựu đáng kể: sau kế hoạch 5 năm lần thứ nhất, có thể khẳng định, Việt Nam từ một dân tộc với hơn 90% dân số mù chữ đã trở thành một dân tộc có một nền học vấn nhất định. Ở giai đoạn 1965-1975, dù chiến tranh rất ác liệt nhưng GDPT ở miền Bắc vẫn được duy trì và có những chuyển biến lớn phù hợp được với sự biến đổi của tình hình thực tế.

Đặc biệt, Đảng đã lựa chọn và chỉ đạo xây dựng nền GD phù hợp với hoàn cảnh và yêu cầu của cách mạng, xã hội Việt Nam thời kỳ này-nền GD xã hội chủ nghĩa (XHCH) với mục tiêu GD toàn diện, gắn GD với lao động sản xuất, một nền GD đại chúng, đề cao tính chính trị trong nhà trường phổ thông (PT), gắn GD với việc thực hiện các nhiệm vụ cách mạng. Mô hình GD XHCH này đã giúp cho cách mạng Việt Nam giành được nhiều thắng lợi to lớn, vì nó đã tạo ra cho xã hội, cho đất nước một đội ngũ hùng hậu chưa từng có những nhà giáo, những lớp HS, sinh viên yêu nước, yêu CNXH, sẵn sàng lên đường, đi theo tiếng gọi thiêng liêng của Tổ quốc, sẵn sàng xả thân và hy sinh cho sự nghiệp GD cách mạng, sự nghiệp thống nhất đất nước.

Bên cạnh những thành công không thể phủ nhận, GDPT từ năm 1954 đến năm 1975 ở miền Bắc vẫn có những hạn chế lớn như: chưa thực sự đảm bảo được công tác GD tư tưởng, phát triển GD quá với khả năng kinh tế, không phù hợp với tình hình xã hội, ở nhiều địa phương, vì không được hướng dẫn cụ thể,

trường lớp mở ở ạt, số HS, giáo viên (GV) PT tăng nhanh nhưng chất lượng đào tạo không theo kịp với yêu cầu phát triển; việc kết hợp lý thuyết với thực tiễn nội dung giảng dạy còn yếu, nặng về đào tạo sách vở, trật tự kỷ luật trường học chưa cao...

Các tỉnh biên giới phía Đông Bắc Việt Nam trở thành nơi giao thương quan trọng về kinh tế, văn hóa, chính trị; đồng thời, là nơi có vị trí địa chiến lược quan trọng của cả nước. Với nhiệm vụ quan trọng là vận chuyển hàng hóa chi viện từ các nước XHCN, trước hết là Trung Quốc sang Việt Nam bằng đường bộ. Các tỉnh biên giới phía Đông Bắc là vùng đa tộc người, với đặc điểm văn hóa đa dạng, phong phú. Tuy nhiên, do nhiều nguyên nhân, trình độ dân trí của đồng bào nơi đây còn hạn chế. Thêm vào đó, các thế lực thù địch luôn tìm cách lợi dụng để truyền truyền, lôi kéo, kích động, gây mất đoàn kết giữa các dân tộc, chống phá Đảng, Nhà nước. Trong tình hình đó, vấn đề xây dựng và phát triển GD, nâng cao trình độ dân trí cho đồng bào các dân tộc ở các tỉnh biên giới phía Đông Bắc trở nên rất cấp thiết, có ý nghĩa quan trọng, nâng cao nhận thức, hiểu biết cho người dân, giúp cho đồng bào có thể chủ động chống lại những âm mưu, thủ đoạn của các thế lực thù địch, từ đó tăng cường khối đại đoàn kết dân tộc, phát huy sức mạnh toàn dân tộc trong sự nghiệp xây dựng và phát triển đất nước.

Trong những năm 1954-1975, quá trình thực hiện chủ trương của Đảng về GDPT ở các tỉnh biên giới phía Đông Bắc đã đạt được những kết quả to lớn, có ý nghĩa quan trọng. Công tác đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ GV và cán bộ quản lý có tiến bộ; các trường PT nhanh chóng được xây dựng, khôi phục sau năm 1954 và dần đi vào ổn định nền nếp dạy và học sau chiến tranh phá hoại (sau năm 1973); bước đầu gắn GD với lao động sản xuất..., góp phần xây dựng và bổ sung lực lượng cách mạng cho địa phương, phục vụ công cuộc xây dựng và phát triển địa phương. Bên cạnh những thành tựu đạt được, GDPT ở các tỉnh biên giới phía Đông Bắc còn nhiều yếu kém, bất cập: đội ngũ cán bộ quản lý còn yếu kém, buông lỏng quản lý và đôn đốc, chất lượng GD còn thấp, xuất hiện nhiều trường hợp GV có tâm lý ngại khổ, ngại khó...

Việc nghiên cứu về quá trình thực hiện chủ trương của Đảng về GDPT ở các tỉnh biên giới phía Đông Bắc, từ đó rút ra những bài học kinh nghiệm cho công cuộc xây dựng và phát triển hiện nay ở các tỉnh biên giới phía Đông Bắc có ý nghĩa thực tiễn. Trước những đòi hỏi cấp thiết về việc tiếp tục đẩy mạnh phát triển GDPT ở các tỉnh biên giới phía Đông Bắc, việc nghiên cứu sự lãnh đạo của Tỉnh ủy các tỉnh biên giới phía Đông Bắc đối với GDPT những năm 1954-1975, rút ra những kinh nghiệm tham khảo cho hiện tại là hết sức cần thiết. Đó là lý do chính để chúng tôi chọn vấn đề “*Thực hiện chủ trương của Đảng về giáo dục phổ thông ở các tỉnh biên giới Đông Bắc Việt Nam trong kháng chiến chống Mỹ cứu nước (1954 – 1975)*” làm đề tài cho luận án tiến sĩ chuyên ngành Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam.

2. Mục đích, nhiệm vụ nghiên cứu

2.1. Mục đích nghiên cứu

Mục đích của luận án là làm rõ quá trình thực hiện chủ trương của Đảng Lao động Việt Nam về GDPT ở các tỉnh biên giới phía Đông Bắc, từ đó đánh giá ưu điểm, hạn chế và đúc rút một số kinh nghiệm.

2.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

- Làm rõ một số yếu tố tác động đến quá trình thực hiện chủ trương của Đảng Lao động Việt Nam về GDPT ở các tỉnh biên giới phía Đông Bắc từ năm 1954 đến năm 1975;

- Hệ thống hóa chủ trương của Đảng Lao động Việt Nam về GDPT;

- Phân tích quá trình thực hiện chủ trương của Đảng Lao động Việt Nam về GDPT ở các tỉnh biên giới phía Đông Bắc đối với phát triển GDPT, qua hai giai đoạn: 1954-1964 và 1965-1975;

- Phân tích, đánh giá ưu điểm, hạn chế trong quá trình thực hiện chủ trương của Đảng Lao động Việt Nam ở các tỉnh biên giới phía Đông Bắc đối với GDPT; đúc rút những kinh nghiệm từ quá trình thực hiện chủ trương của Đảng Lao động Việt Nam về GDPT ở tỉnh biên giới phía Đông Bắc trong những năm 1954-1975.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

3.1. Đối tượng nghiên cứu

Luận án nghiên cứu chủ trương của Đảng Lao động Việt Nam và quá trình thực hiện chủ trương của Đảng Lao động Việt Nam về GDPT ở các tỉnh biên giới phía Đông Bắc từ năm 1954 đến năm 1975.

3.2. Phạm vi nghiên cứu

- *Về nội dung khoa học:* Theo Nghị định 596 ngày 30/8/1956 của Bộ trưởng Bộ GD Nguyễn Văn Huyên, GDPT bao gồm cấp I, cấp II và cấp III. Căn cứ vào cách phân loại này và dựa trên quá trình lịch sử phát triển GDPT ở các tỉnh biên giới phía Đông Bắc, luận án tập trung làm rõ quá trình thực hiện chủ trương của Đảng Lao động Việt Nam về phát triển GDPT ở các tỉnh biên giới phía Đông Bắc trên các nội dung: i) Đào tạo, bồi dưỡng giáo viên; ii) Chất lượng GD (Chương trình cho GDPT và phương pháp giảng dạy); iii) Quy mô và cơ sở vật chất (CSVC).

- *Về thời gian:* Luận án tập trung nghiên cứu từ năm 1954 đến năm 1975, 21 năm miền Bắc xây dựng CNXH. Trong đó, từ năm 1954 đến năm 1964 là thời gian thực hiện chủ trương xây dựng hệ thống GDPT thống nhất trên toàn miền Bắc, thoát ly nền GD nô dịch của thực dân Pháp; từ năm 1965 đến năm 1975 là thời gian thực hiện chủ trương của Đảng về GDPT chuyển từ “thời bình” sang “thời chiến”, phục vụ công cuộc bảo vệ và xây dựng miền Bắc, chi viện miền Nam và tạo điểm tựa phát triển sau chiến tranh.

- *Về không gian:* Đến năm 1954, Việt Nam có 4 tỉnh biên giới phía Đông Bắc giáp Trung Quốc là Hà Giang, Cao Bằng, Lạng Sơn và Hải Ninh. Từ khi được giải phóng (25-4-1955), để phù hợp với tình hình xây dựng trong điều kiện hòa bình, tỉnh Quảng Yên và đặc khu Hồng Gai được hợp nhất lập ra khu Hồng Quảng. Đến ngày 30-10-1963, Quốc hội nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đã quyết định hợp nhất 2 tỉnh Hải Ninh và khu Hồng Quảng thành tỉnh Quảng Ninh và từ ngày 01-1-1964, tỉnh Quảng Ninh chính thức đi vào hoạt động. Do những thay đổi đơn vị hành chính phức tạp của tỉnh Quảng Ninh, nên luận án tập trung nghiên cứu trên địa bàn các tỉnh: Hà Giang, Cao Bằng, Lạng

Son và Hải Ninh (1954-1963), Quảng Ninh (1964-1975).

4. Cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu

4.1. Cơ sở lý luận

Dựa trên quan điểm duy vật lịch sử và duy vật biện chứng của chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và những quan điểm của Đảng về GD.

4.2. Phương pháp nghiên cứu

Luận án sử dụng một số phương pháp nghiên cứu cơ bản của khoa học lịch sử như: phương pháp lịch sử, phương pháp logic và kết hợp hai phương pháp đó. Ngoài ra, một số phương pháp khác như phương pháp phân tích, tổng hợp, đối chiếu, so sánh, thống kê... còn được sử dụng phù hợp với từng nội dung của luận án.

5. Nguồn tư liệu

- Các văn kiện của Đảng, Chính phủ; các văn kiện của Tỉnh ủy các tỉnh biên giới phía Đông Bắc và các Đảng bộ cơ sở về GDPT...

- Tài liệu của các cấp, các ngành ở các tỉnh biên giới phía Đông Bắc về GDPT, như: Niên giám thống kê, báo cáo hàng năm; các đề án; quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế-xã hội các tỉnh biên giới phía Đông Bắc; quy hoạch GDPT; các tài liệu, biên bản hội nghị, hội thảo... được lưu trữ tại Văn phòng Tỉnh ủy, Văn phòng UBND các tỉnh biên giới phía Đông Bắc, Chi cục Văn thư và Lưu trữ, Sở GD và Đào tạo các tỉnh biên giới phía Đông Bắc.

Các sách chuyên khảo, luận án, đề tài nghiên cứu khoa học đã công bố liên quan đến GDPT là nguồn tư liệu tham khảo của luận án.

6. Đóng góp của luận án

- *Đóng góp về nội dung:*

Làm rõ một số yếu tố tác động và trình bày một cách có hệ thống quá trình thực hiện chủ trương của Đảng Lao động Việt Nam về GDPT ở các tỉnh biên giới phía Đông Bắc qua hai giai đoạn 1954-1964 và 1965-1975;

Rút ra những kinh nghiệm từ quá trình thực hiện chủ trương của Đảng Lao động Việt Nam về GDPT ở các tỉnh biên giới phía Đông Bắc (1954-1975), góp phần vào công cuộc xây dựng, đổi mới và hoàn thiện chủ trương phát triển

GDPT ở các tỉnh biên giới phía Đông Bắc hiện nay.

- *Đóng góp về tư liệu:*

Luận án cung cấp những tư liệu lịch sử về sự nghiệp GDPT của Tỉnh ủy các tỉnh biên giới phía Đông Bắc từ năm 1954 đến năm 1975.

Luận án có thể được sử dụng làm tài liệu tham khảo cho các cơ quan, cá nhân nghiên cứu, giảng dạy về các chuyên ngành Lịch sử Đảng, Lịch sử Đảng bộ địa phương trong lĩnh vực GD.

7. Kết cấu của luận án

Ngoài phần Mở đầu, Kết luận, Danh mục tài liệu tham khảo, Phụ lục, nội dung luận án gồm 4 chương, 10 tiết.

Chương 1: Tổng quan công trình nghiên cứu có liên quan đến đề tài luận án

Chương 2: Quá trình thực hiện chủ trương của Đảng về GDPT ở các tỉnh biên giới phía Đông Bắc từ năm 1954 đến năm 1964

Chương 3: Đẩy mạnh thực hiện chủ trương của Đảng về GDPT ở các tỉnh biên giới phía Đông Bắc từ năm 1965 đến năm 1975

Chương 4: Nhận xét và kinh nghiệm

Chương 1

TỔNG QUAN CÔNG TRÌNH CÓ LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN

1.1. Tình hình nghiên cứu có liên quan đến đề tài luận án

1.1.1. Nhóm công trình nghiên cứu về giáo dục phổ thông ở Việt Nam thời kỳ 1954-1975

Cuốn sách *Hai mươi năm xây dựng giáo dục* (Bộ Quốc gia Giáo dục, Hà Nội, 1965); *Bốn mươi lăm năm phát triển nền giáo dục Việt Nam* (NXB Giáo dục, Hà Nội, 1990); *Sơ thảo lịch sử giáo dục Việt Nam (1945-1990)* (NXB Giáo dục, Hà Nội, 1992), *Năm mươi năm phát triển sự nghiệp giáo dục và đào tạo (1945-1995)* (NXB Giáo dục, Hà Nội, 1995), *Quá trình phát triển lý luận chương trình giáo dục phổ thông ở Việt Nam* (Viện Khoa học Giáo dục, Hà Nội, 2002)...

Luận án *Quá trình xây dựng và phát triển nền giáo dục Việt Nam mới từ tháng 9 năm 1945 đến tháng 7 năm 1954* của Đỗ Thị Nguyệt Quang (luận án Phó Tiến sĩ lịch sử, bảo vệ tại Viện Sử học, 1996), *Giáo dục ở các tỉnh miền núi phía Bắc Việt Nam từ năm 1954 đến năm 1965* của Duy Thị Hải Hương (Luận án tiến sĩ Lịch sử, Học viện Khoa học xã hội, Hà Nội, 2014), *Giáo dục phổ thông miền Bắc Việt Nam từ năm 1954 đến năm 1975* của Nguyễn Thúy Quỳnh (Luận án Tiến sĩ Lịch sử, Học viện Khoa học Xã hội, Hà Nội, 2015)...

Bài viết *Đẩy mạnh phong trào thi đua hai tốt* của tác giả Nguyễn Văn Huyền (Tập chí *Nghiên cứu giáo dục*, 17, 1971); *Vài nét về giáo dục phổ thông ở các tỉnh miền núi phía Bắc (1965-1975) qua tài liệu lưu trữ* của tác giả Duy Thị Hải Hương (Tập chí *Văn thư Lưu trữ Việt Nam*, 3, 2009); *Chính sách “tận lực phát triển giáo dục phổ thông” ở miền Bắc Việt Nam thời kỳ 1959-1960* của tác giả Nguyễn Thúy Quỳnh (Tập chí *Nghiên cứu Đông Nam Á*, 9, 2014); *Về cải cách hệ thống giáo dục phổ thông năm 1956 ở miền Bắc Việt Nam* của tác giả Nguyễn Thúy Quỳnh (Tập chí *Nghiên cứu Lịch sử*, 7, 2013)...

Đối với các tỉnh biên giới phía Đông Bắc, chủ đề GDPT có một số công trình nghiên cứu đáng kể như: *Địa chí Lạng Sơn* của Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn (NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1999); bài viết *Về công tác giáo dục ở Khu tự trị Việt Bắc trong những năm đầu xây dựng chủ nghĩa xã hội (1956-1965)* của tác giả Duy Thị Hải Hương (Tập chí *Nghiên cứu Lịch sử*, 4, 2009); bài viết *70 năm ngành Giáo dục tỉnh Cao Bằng không ngừng nỗ lực để từng bước phát triển* của Sở Giáo dục và Đào tạo Cao Bằng (*Giáo dục Việt Nam-Các tỉnh, thành phố và một số trường đại học (1945-2017)*, tập 1, NXB Giáo dục, Hà Nội, 2019); bài viết *Phát triển giáo dục toàn diện nơi địa đầu Tổ quốc* của Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Giang (*Giáo dục Việt Nam-Các tỉnh, thành phố và một số trường đại học (1945-2017)*, tập 1, NXB Giáo dục, Hà Nội, 2019); bài viết *Vươn mình phát triển cùng đất nước* (*Giáo dục Việt Nam-Các tỉnh, thành phố và một số trường đại học (1945-2017)*, tập 2, NXB Giáo dục, Hà Nội, 2019)...

1.1.2. Nhóm công trình nghiên cứu về sự lãnh đạo của Đảng về phát triển giáo dục phổ thông 1954-1975

Cuốn sách *Đảng Cộng sản Việt Nam với sự nghiệp giáo dục và đào tạo* do Phan Ngọc Liên chủ biên (NXB Đại học Sư phạm Hà Nội, 2008); bài viết *Đảng*

lãnh đạo thực hiện chính sách văn hóa-xã hội (1961-1965) của tác giả Nguyễn Danh Tiên và Trần Thị Kim Ninh (Tập chí *Lịch sử Đảng*, 4, 2015); bài viết *Vài nét về giáo dục phổ thông giai đoạn 1976-1985* của tác giả Duy Thị Hải Hương (Tập chí *Lịch sử Đảng*, 10, 2015), bài viết *Quan điểm của Đảng về dựa vào dân phát triển giáo dục phổ thông ở miền Bắc thời kỳ 1954-1975* của tác giả Phạm Nguyên Phương (Tập chí *Lịch sử Đảng*, 6, 2016); bài viết *Đảng lãnh đạo phát triển sự nghiệp giáo dục phổ thông ở miền Bắc, Việt Nam giai đoạn 1954-1965* của tác giả Phạm Nguyên Phương (Tập chí *Giáo dục lý luận*, 6, 2016)...

Luận án *Đảng lãnh đạo sự nghiệp giáo dục phổ thông miền Bắc (1954-1975)* của tác giả Phạm Nguyên Phương (Luận án Tiến sĩ Lịch sử, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội, 2017), *Đảng bộ thành phố Hải Phòng lãnh đạo sự nghiệp giáo dục phổ thông từ năm 1963 đến năm 1975* của tác giả Vũ Thị Liên (Luận án Tiến sĩ Lịch sử, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội, 2018),...

1.2. Khái quát kết quả của các công trình nghiên cứu liên quan đến luận án và những vấn đề luận án tập trung giải quyết

1.2.1. Khái quát kết quả của các công trình nghiên cứu liên quan đến luận án

Một số công trình đã phân tích chủ trương về phát triển GDPT, quá trình lãnh đạo của Đảng với hàng loạt chủ trương, chính sách để từng bước thay đổi GDPT: từ chủ trương của các cuộc cải cách GD năm 1950, 1956 cho đến quan điểm phát triển GDPT của Đảng cũng như một số nghị quyết liên quan đến GD hoặc nghị quyết chuyên đề về GD. Đặc biệt, trong tiến trình thực hiện công cuộc đổi mới, GD là một trong những lĩnh vực được ưu tiên quan tâm phát triển; do đó, nhiều công trình đã đi sâu nghiên cứu, phân tích quan điểm của Đảng về GD nói chung, GDPT nói riêng.

Một số công trình nghiên cứu về vai trò, đóng góp, về những thành tựu, hạn chế trong chỉ đạo của Đảng về phát triển sự nghiệp GD nói chung và GDPT nói riêng ở miền Bắc trong thời kỳ 1954-1975, đề xuất một số giải pháp, đề ra kinh nghiệm về phát triển ngành GD, GDPT ở miền Bắc Việt Nam.

Một số công trình nghiên cứu đã phân tích và làm rõ vị trí, vai trò chiến lược hàng đầu của GD và đào tạo, trong đó có GDPT đối với sự phát triển đất

nước. Tổng kết phát triển GDPT nói chung cũng như từng lĩnh vực cụ thể, như: Nâng cao chất lượng và chuẩn hóa đội ngũ GV, cán bộ quản lý; mở rộng quy mô và nâng cao chất lượng GD ở các cấp học; tăng cường đầu tư CSVC kỹ thuật cho GDPT; tăng cường quản lý nhà nước về GDPT và đẩy mạnh xã hội hóa GD... Qua đó, các tác giả đều khẳng định, thành quả đạt được của GDPT trở thành động lực giúp Việt Nam vượt qua khó khăn chiến tranh, tăng trưởng kinh tế-xã hội.

Một số công trình nghiên cứu về GDPT ở các tỉnh biên giới phía Đông Bắc nằm trong tổng thể sự nghiệp GD, trong sự phát triển kinh tế-xã hội; nghiên cứu khái quát lịch sử phát triển GDPT các tỉnh biên giới phía Đông Bắc. Bên cạnh đó, một số công trình đã chỉ ra rằng, quá trình phát triển GDPT dưới sự lãnh đạo của Tỉnh ủy các tỉnh biên giới phía Đông Bắc cũng bộc lộ nhiều hạn chế cần khắc phục, như: quy mô và cơ cấu GD còn điếm chưa phù hợp với điều kiện và tình hình địa phương; đội ngũ GV thừa về số lượng nhưng còn yếu về chất lượng; công tác quản lý nhà nước về GD chưa đáp ứng được yêu cầu... Các tác giả đưa ra những đề xuất hoặc các giải pháp nhằm khắc phục những tồn tại đang đặt ra trong GDPT các tỉnh biên giới phía Đông Bắc.

1.2.2. Những vấn đề luận án tập trung giải quyết

Thứ nhất, những cơ sở khách quan và chủ quan của các tỉnh biên giới phía Đông Bắc tác động đến sự nghiệp GDPT. Đó là những cơ sở về điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội và thực trạng phát triển GDPT ở các tỉnh biên giới phía Đông Bắc trước năm 1954. Trong những cơ sở nêu trên, luận án tiếp cận giải quyết từ góc độ là những yếu tố tác động, chi phối trực tiếp nhất đối với chủ trương và sự chỉ đạo của Đảng đối với sự nghiệp GDPT ở các tỉnh biên giới phía Đông Bắc.

Thứ hai, những quan điểm, chủ trương của Đảng Lao động Việt Nam về GDPT từ năm 1954 đến năm 1975. Quá trình thực hiện chủ trương của Đảng ở các tỉnh biên giới phía Đông Bắc trong lãnh đạo phát triển GDPT từ năm 1954 đến năm 1975. Đó là những chủ trương, phương hướng và giải pháp, biện pháp mà Khu ủy Việt Bắc, các Tỉnh ủy các tỉnh biên giới phía Đông Bắc đề ra trong

vận dụng thực hiện chủ trương của Đảng về GD và GDPT vào điều kiện thực tiễn của địa phương dựa trên việc phân tích những yếu tố khách quan, chủ quan, những điều kiện thuận lợi, khó khăn của địa phương mình.

Thứ ba, ưu điểm, hạn chế và nguyên nhân hạn chế trong quá trình thực hiện chủ trương của Đảng Lao động Việt Nam về GDPT ở các tỉnh biên giới phía Đông Bắc trong những năm 1954-1975. Những kinh nghiệm từ quá trình thực hiện chủ trương của Đảng Lao động Việt Nam về GDPT ở các tỉnh biên giới phía Đông Bắc trong những năm 1954-1975.

Tiểu kết chương 1

Từ năm 1954 đến năm 1975, Đảng Lao động Việt Nam đã luôn đề cao vai trò của GD và GDPT, đặc biệt là các tỉnh biên giới. Chính vì vậy, nghiên cứu về GD và GDPT luôn là vấn đề được các nhà khoa học quan tâm. Đã có không ít những công trình nghiên cứu về GDPT ở miền Bắc Việt Nam và ở các tỉnh biên giới phía Đông Bắc từ năm 1954 đến năm 1975. Mỗi công trình có góc độ tiếp cận khác nhau, thể hiện nhận thức và sự lựa chọn vấn đề nghiên cứu của tác giả và về cơ bản đều là những nguồn tài liệu đáng quý, cung cấp cho đề tài những tư liệu lịch sử chân thực, độ tin cậy cao, giúp ích rất lớn cho người nghiên cứu trong quá trình nghiên cứu. Những công trình đó góp phần khỏa lấp một số khoảng trống nghiên cứu phù hợp với đề tài của luận án được tiếp cận dưới góc độ Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam. Một số công trình nghiên cứu về GDPT dưới góc độ lịch sử GD, GD học, văn hóa học..., khái quát những bước phát triển GDPT, thành tựu và hạn chế; thực trạng và giải pháp phát triển GDPT... Một số công trình đã đề cập đến chủ trương của Đảng Lao động Việt Nam lãnh đạo phát triển GDPT ở một số lĩnh vực nhất định (đánh giá thực trạng GDPT các tỉnh biên giới phía Đông Bắc; một số biện pháp quản lý nhằm nâng cao chất lượng chuyên môn đội ngũ GV; quy hoạch phát triển GD của các tỉnh biên giới phía Đông Bắc).

Tuy nhiên, chủ đề nghiên cứu về GDPT chưa có công trình nào nghiên cứu một cách toàn diện, hệ thống về quá trình thực hiện chủ trương về GDPT của Đảng ở các tỉnh biên giới phía Đông Bắc Việt Nam từ năm 1954 đến năm 1975.

Chương 2

QUÁ TRÌNH THỰC HIỆN CHỦ TRƯỞNG CỦA ĐẢNG VỀ GIÁO DỤC PHỔ THÔNG Ở CÁC TỈNH BIÊN GIỚI PHÍA ĐÔNG BẮC TỪ NĂM 1954 ĐẾN NĂM 1964

2.1. Những yếu tố tác động đến quá trình thực hiện chủ trương của Đảng về giáo dục phổ thông ở các tỉnh biên giới phía Đông Bắc

2.1.1. Điều kiện tự nhiên, kinh tế-xã hội và truyền thống văn hóa-giáo dục

Điều kiện tự nhiên

Điều kiện kinh tế-xã hội

2.1.2. Thực trạng giáo dục phổ thông ở các tỉnh biên giới phía Đông Bắc Việt Nam trước năm 1954

Sau thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám năm 1945, nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ra đời và xây dựng cho mình một nền GD quốc dân mới. Trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược, nền GD quốc dân Việt Nam dù gặp rất nhiều khó khăn nhưng cũng đạt được những thành tựu góp phần vào thắng lợi của cuộc kháng chiến. Những thành tựu đạt được cũng như hạn chế cần khắc phục của ngành GDPT trong giai đoạn này đã tạo ra tiền đề, nền tảng cho việc xây dựng và phát triển GDPT trong các giai đoạn sau.

2.1.3. Đặc điểm tình hình Việt Nam sau năm 1954 và yêu cầu đặt ra cho giáo dục phổ thông ở các tỉnh biên giới phía Đông Bắc

* *Đặc điểm tình hình Việt Nam sau năm 1954*

* *Đặc điểm tình hình ở các tỉnh biên giới phía Đông Bắc sau năm 1954*

* *Yêu cầu đặt ra cho GDPT ở các tỉnh biên giới phía Đông Bắc*

2.2. Chủ trương của Đảng Lao động Việt Nam

2.2.1. Quan điểm giáo dục phổ thông

2.2.2. Mục tiêu và nhiệm vụ giáo dục phổ thông

2.2.3. Phương hướng, giải pháp phát triển giáo dục phổ thông

Từ năm 1954 đến năm 1964, chủ trương phát triển GDPT có một số điểm nổi bật sau: 1-Về quan điểm, GD nói chung, GDPT nói riêng phục vụ sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, gắn liền với công cuộc cách mạng XHCN ở miền Bắc và cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam, với khẩu hiệu “dân

tộc, khoa học và đại chúng”, kết hợp và phục vụ sản xuất, phục vụ việc xây dựng kinh tế quốc dân, dựa vào dân mà phát huy công tác GD, “lý luận gắn liền với thực tế, học đi đôi với hành, giáo dục của nhà trường kết hợp với giáo dục của xã hội”; 2-Về mục đích, nhiệm vụ: Bồi dưỡng, đào tạo các thế hệ trẻ thành những người lao động làm chủ đất nước, có giác ngộ XHCN, có văn hóa và kỹ thuật, có sức khỏe, những người phát triển toàn diện để xây dựng xã hội mới, đồng thời phải phục vụ đắc lực cho việc đào tạo cán bộ xây dựng kinh tế và văn hóa XHCN, và việc nâng cao không ngừng trình độ văn hóa của nhân dân lao động; 3-Về phương hướng, giải pháp: i) Kết hợp chặt chẽ xây dựng cơ sở và quy mô vật chất với chú trọng về nội dung GD, nhất là GD tư tưởng chính trị; ii) Chú trọng các bậc GD khác phục vụ phát triển GDPT; iii) Chú trọng công tác đào tạo, bồi dưỡng GV, cán bộ quản lý, nhất là GV ở địa phương và GV dân tộc; iv) Giải quyết hài hòa GD giữa đồng bằng và miền núi, GD giữa dân tộc Kinh và dân tộc thiểu số, GD giữa HS bản địa và HS miền Nam, GD giữa đồng bào tôn giáo và đồng bào không theo tôn giáo, giảng dạy giữa tiếng PT và tiếng dân tộc... GDPT ở miền Bắc nói chung và ở các tỉnh biên giới phía Đông Bắc nói riêng giai đoạn 1954-1964, ngoài việc GD kiến thức văn hóa, Đảng còn đặc biệt chú trọng đến GD chính trị, tư tưởng, GD gắn liền với chính trị, GD không nằm ngoài mục tiêu chính trị trong giai đoạn miền Bắc tiến hành cải tạo XHCN, bước đầu phát triển kinh tế và văn hóa trong những năm 1958-1960. Chính vì vậy, GDPT còn được gọi là “giáo dục động lực”.

2.3. Quá trình thực hiện chủ trương của Đảng

2.3.1. Về đào tạo và bồi dưỡng giáo viên

2.3.1.1. Về đào tạo giáo viên

Trước yêu cầu thực tiễn của tình hình GDPT giai đoạn 1954-1964, công tác đào tạo GV được quan tâm, khắc phục được một số hạn chế trước mắt, thực hiện chiến lược dài hạn là xây dựng đội ngũ GV các cấp vững chuyên môn, đáp ứng yêu cầu chất lượng ngành GD đã đề ra. Tuy nhiên, công tác đào tạo GV còn nhiều hạn chế, chưa đáp ứng yêu cầu học tập trong nhân dân. Việc đào tạo GV các dân tộc thiểu số ít người cho vùng cao xa xôi hẻo lánh chưa được chú ý đúng mức và chưa có biện pháp tích cực nên ảnh hưởng đến phát triển GD ở vùng cao, vùng xa xôi hẻo lánh.

2.3.1.2. Về bồi dưỡng giáo viên

Công tác đào tạo-bồi dưỡng của các trường sư phạm trong giai đoạn 1954-1964 đã có những bước tiến lớn, góp phần nâng cao số lượng và chất lượng GV các cấp phục vụ thiết yếu cho nhiệm vụ GDPT. Dù còn một số hạn chế nhất định về điều kiện CSVC, về nguồn nhân lực và về quản lý lãnh đạo, nhưng toàn bộ những hoạt động liên quan đến đào tạo-bồi dưỡng dưới sự lãnh đạo của Tỉnh ủy các tỉnh biên giới phía Đông Bắc đã tạo bước đệm cho sự phát triển của đội ngũ nhà giáo trong giai đoạn sau.

2.3.2. Về chất lượng giáo dục

2.3.2.1. Về xây dựng chương trình giáo dục

2.3.2.2. Về triển khai chương trình giáo dục

2.3.2.3. Về kiểm tra, đánh giá chất lượng giáo dục

Nhờ sự quan tâm, giúp đỡ của các ban ngành, đặc biệt là sự giám sát kịp thời của Ty GD, việc GD toàn diện trong nhà trường PT đã được coi trọng hơn và đạt kết quả tốt. Tuy nhiên, công tác GD toàn diện còn tồn tại một số hạn chế, yếu kém. Trong đó, “vấn đề tồn tại lớn nhất hiện nay vẫn là chất lượng toàn diện của học sinh các cấp I, II, III chưa được những trách vì chưa quán triệt sâu sắc mục đích và phương châm giáo dục: giáo dục tư tưởng, chính trị, lý tưởng cách mạng cho học sinh chưa sâu, nên học sinh chưa thực sự hăng hái học tập, học sinh lớp 7, lớp 10 khi ra trường về nông thôn sản xuất còn thắc mắc về tiền đồ; truyền thụ kiến thức cơ bản chưa đầy đủ vì phương pháp giảng dạy chưa sát với đặc điểm em tâm sinh lý của học sinh các dân tộc; yếu nhất là gắn nội dung giảng dạy với thực tế tự nhiên và xã hội miền núi, gắn nhà trường với đời sống miền núi nên học sinh (nhất là cấp II, III) chưa được chuẩn bị đầy đủ về tinh thần và năng lực để khi ra trường tham gia có hiệu lực vào sự nghiệp cách mạng ở miền núi”.

2.3.3. Về quy mô và cơ sở vật chất

2.3.3.1. Về quy mô trường, lớp và học sinh

2.3.3.2. Về cơ sở vật chất

Quán triệt chỉ đạo của Đảng bộ các tỉnh, khu, từ năm 1954 đến năm 1964, chiến dịch tu bổ và xây dựng CSVC đã thu được kết quả tốt. Năm 1964, hệ thống trường, sở được đầu tư xây dựng với hàng trăm phòng học mới, hàng

trăm bộ bàn ghế, bảng đen... Đặc điểm nổi bật của việc xây dựng CSVC ở các tỉnh biên giới phía Đông Bắc là huy động nhân dân, tiềm lực của địa phương về người và của. Tuy nhiên, Do điều kiện kinh tế ở các địa phương còn thấp, quy định cho xây dựng nhà trường quá ít, nên CSVC của nhiều trường còn quá nghèo nàn. “Trường, lớp thiếu; bàn ghế gãy hỏng, lại cao thấp, xộc xệch. Dụng cụ phục vụ cho giảng dạy hầu như không có gì (nhất là cấp I và một số trường cấp II ở nông thôn)”.

Tiểu kết chương 2

Quán triệt chủ trương của Trung ương Đảng về GDPT, từ năm 1954, Tỉnh ủy các tỉnh biên giới phía Đông Bắc đã đề ra chủ trương và chỉ đạo các ngành chức năng tích cực, hiệu quả nhằm thực hiện chính sách “tận lực phát triển giáo dục”. Những chủ trương của Tỉnh ủy các tỉnh biên giới phía Đông Bắc luôn gắn liền với điều kiện tự nhiên, kinh tế-xã hội của các tỉnh biên giới phía Đông Bắc.

Trong những năm 1954-1964, thực hiện chủ trương của Tỉnh ủy các tỉnh biên giới phía Đông Bắc, Ty GD, chính quyền địa phương và nhà trường PT ở các tỉnh đã thực hiện phát triển GDPT trên các lĩnh vực: đào tạo, bồi dưỡng GV; chất lượng GD toàn diện (trí dục, đức dục, thể dục và mỹ dục); về quy mô trường, lớp, HS và CSVC. Thực hiện chủ trương của Trung ương Đảng về GDPT, Tỉnh ủy các tỉnh biên giới phía Đông Bắc đã lãnh đạo phát triển GDPT đạt được những thành tựu khá toàn diện. Đội ngũ GV được xây dựng và phát triển về số lượng và cơ cấu. Chất lượng GDPT 10 năm được xây dựng và không ngừng được tăng cường. Chữ Tày-Nùng được dùng xen kẽ với chữ Quốc ngữ trong nhiều trường PT. Mạng lưới trường, lớp ngày càng được mở rộng ở nhiều địa phương.

Bên cạnh kết quả đạt được, quá trình lãnh đạo phát triển GDPT của Tỉnh ủy các tỉnh biên giới phía Đông Bắc trong những năm 1954-1964 còn nhiều hạn chế. Các chủ trương, biện pháp của Tỉnh ủy các tỉnh biên giới phía Đông Bắc đề ra chưa có tính đột phá, tầm chiến lược cho GDPT và chưa nghị quyết chuyên đề chỉ đạo kịp thời những bất cập, khó khăn thực tiễn đặt ra. Quá trình chỉ đạo thực hiện nghị quyết còn lúng túng. Ty GD, chính quyền cơ sở và nhà trường chưa sáng tạo để xác định và thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu đề ra. Do đó, chất lượng GD nhà trường còn thấp, GD thiếu toàn diện; mất cân đối

ngghiêm trọng giữa số lượng và chất lượng, giữa việc đào tạo và bồi dưỡng GV, nhất là ngành GDPT.

Nguyên nhân dẫn đến hạn chế trên đây trước hết là do hạn chế trong nhận thức của một số cán bộ, GV về vị trí, vai trò của GDPT trong phát triển kinh tế-xã hội địa phương. Trong quá trình chỉ đạo triển khai, Ty GD các tỉnh chưa có giải pháp hiệu quả để khắc phục những hạn chế, yếu kém, chưa có sự phối hợp đồng bộ của các cấp, các ngành, các đơn vị trong tỉnh... Do đó, nhiệm vụ đặt ra với Tỉnh ủy các tỉnh biên giới phía Đông Bắc lãnh đạo, chỉ đạo GDPT những năm tiếp theo phải trên cơ sở phát huy những thành công cần khắc phục những hạn chế, nhất là hạn chế trong tư duy GDPT để hướng đến phát triển toàn diện, bền vững.

Chương 3

ĐẨY MẠNH THỰC HIỆN CHỦ TRƯỞNG CỦA ĐẢNG VỀ GIÁO DỤC PHỔ THÔNG Ở CÁC TỈNH BIÊN GIỚI PHÍA ĐÔNG BẮC TỪ NĂM 1965 ĐẾN NĂM 1975

3.1. Những yếu tố mới tác động đến quá trình thực hiện chủ trương của Đảng về giáo dục phổ thông ở các tỉnh biên giới phía Đông Bắc

3.1.1. Đặc điểm mới của Việt Nam và nhiệm vụ cách mạng ở miền Bắc

3.1.2. Yêu cầu mới trong phát triển giáo dục phổ thông ở các tỉnh biên giới phía Đông Bắc

3.2. Chủ trương của Đảng Lao động Việt Nam

3.2.1. Quan điểm giáo dục phổ thông

3.2.2. Mục tiêu và nhiệm vụ giáo dục phổ thông

3.2.3. Phương hướng, giải pháp phát triển giáo dục phổ thông

từ năm 1965 đến năm 1975, chủ trương của Đảng Lao động Việt Nam về GDPT được thể hiện ở một số điểm nổi bật sau: 1) Về quan điểm: GDPT từ “thời bình” chuyển sang “thời chiến”, rồi chuyển lại “thời bình”, kết hợp GD với lao động sản xuất, kết hợp lý luận với thực tế, GD nhà trường với GD của xã hội; phù hợp với khả năng kinh tế và yêu cầu của nhiệm vụ khôi phục, phát triển kinh tế; 2) Về mục tiêu và nhiệm vụ: GDPT gắn mục tiêu cấp bách với mục tiêu lâu dài của

sự nghiệp xây dựng CNXH ở miền Bắc, phát triển GDPT đúng với tầm quan trọng của nó trong cuộc cách mạng tư tưởng và văn hoá; 3) Về phương hướng, giải pháp: GDPT hướng đến một số trọng tâm về công tác đào tạo, bồi dưỡng GV, cán bộ quản lý; về công tác chất lượng giảng dạy, trước hết là GD tư tưởng, chính trị; về quy mô và CSVC, kết hợp với công tác phòng không.

3.3. Quá trình thực hiện chủ trương của Đảng

3.3.1. Về đào tạo và bồi dưỡng đội ngũ giáo viên

3.3.1.1. Về đào tạo giáo viên

Nhìn chung, bộ mặt các trường sư phạm đã có những biến đổi to lớn cả về số lượng và chất lượng. Đòi hỏi tập thể của các trường sư phạm đã được chú ý cải thiện. CSVC, thiết bị thiết bị các trường sư phạm có được tăng cường. Hoạt động chuyên môn của các trường sư phạm đã đi vào nền nếp hơn, có tác dụng đến việc nâng cao từng bước chất lượng đào tạo. Trong 10 năm 1965-1975, mạng lưới các trường sư phạm cấp I đến cấp III trong Khu phát triển mạnh, đảm bảo cung cấp đầy đủ số lượng GV cấp I, cấp II cho các trường PT. Số GV đào tạo ra đều được trang bị những kiến thức cơ bản về khoa học và nghiệp vụ, đảm đương được nhiệm vụ GD HS (kể cả ở vùng cao). Tuy nhiên, công tác đào tạo GV còn bộc lộ nhiều thiếu sót: Chưa đảm bảo được chất lượng cần thiết, còn cho ra trường những giáo sinh chưa đạt yêu cầu, đặc biệt, chưa quan tâm đào tạo vùng cao một đội ngũ GV người dân tộc ở vùng cao; chưa chú ý đào tạo GV các cấp PT để đảm bảo cho họ đủ trình độ thực hiện nhiệm vụ GD có chất lượng.

3.3.1.2. Về bồi dưỡng giáo viên

Quá trình thực hiện tích cực và hiệu quả chủ trương bồi dưỡng GV ở các tỉnh biên giới phía Đông Bắc đã tạo ra những tiến bộ chung, nâng cao chất lượng GDPT, tạo ra một đội ngũ GV có phẩm chất tốt về đạo đức, nhiệt tình cách mạng, có chuyên môn và nghiệp vụ tốt. Tuy vậy, công tác bồi dưỡng GV miền núi còn là vấn đề khó khăn. Những nội dung phải phù hợp với đối tượng là người dân tộc, mà còn phải chỉ ra được phương thức hoạt động ở miền núi. Mặt khác, một số địa phương mà đa số GV là miền xuôi còn lúng túng về mặt đảm bảo thời gian bồi dưỡng. Việc đi lại trong mùa mưa, lũ gặp cản trở hoặc vì nghỉ phép, hay khi đối phó với cuộc chiến tranh phá hoại miền Bắc. Công tác

bồi dưỡng GV còn rất lúng túng cả về nội dung, phương thức, tổ chức và điều kiện CSVC.

3.3.2. Về chất lượng giáo dục

3.3.2.1. Về xây dựng chương trình giáo dục

3.3.2.1. Về triển khai chương trình giáo dục

3.3.2.3. Về kiểm tra, đánh giá chất lượng giáo dục

Trong những năm 1965-1975, trong “mưa bom, bão đạn” ác liệt của chiến tranh, công tác phát triển GD toàn diện đã trưởng thành về mọi mặt. Được những thành tựu đó là do sự chỉ đạo của Khu ủy Việt Bắc, Sở GD Việt Bắc và trực tiếp là Tỉnh ủy các tỉnh biên giới phía Đông Bắc lãnh đạo thực hiện chủ trương của Đảng về GDPT, trước hết là cán bộ, đảng viên và GV ngành GD đã “thật sự xứng đáng là hạt nhân lãnh đạo, giáo dục và động viên quần chúng thực hiện tốt các nhiệm vụ sản xuất, chiến đấu và tổ chức đời sống”.

3.3.3. Về quy mô và tăng cường cơ sở vật chất

3.3.3.1. Về quy mô

Từ năm 1965 đến năm 1975, các tỉnh biên giới phía Đông Bắc thực hiện phương châm GD, với trọng tâm ở miền núi, nhất là vỡ lòng và cấp I là “Thầy tìm trò, trường gần dân, quy mô nhỏ. Nhờ đó, trong những năm 1965 - 1975, quy mô trường, lớp và HS ở các tỉnh biên giới phía Đông Bắc ngày càng phát triển.

3.3.3.2. Về cơ sở vật chất

Công tác phòng không: Công tác phòng không đảm bảo an toàn tính mạng cho GV và HS trường học là một công tác rất quan trọng. Đó là nguyên tắc, là điều kiện cơ bản để xây dựng và phát triển nền GD trong thời chiến. Thực hiện chỉ đạo của UBHC tỉnh, Sở, Ty GD các tỉnh phối hợp với các ban, ngành thực hiện nhiệm vụ phòng không, đảm bảo sự an toàn cho công tác dạy-học.

Về xây dựng trường lớp, bàn ghế: Thực hiện Chỉ thị số 248-CT của Hội đồng Chính phủ về việc xây dựng cơ sở vật chất của các trường cho thích hợp với địa phương, UBHC các tỉnh đã giao và đôn đốc các ngành, các cấp có trách nhiệm thực hiện đủ số bàn ghế, bảng đen, đồ dùng học tập; đồng thời, bằng nhiều biện pháp kiên quyết chấm dứt tình trạng HS phải đứng học, ngồi dưới đất học. Nhờ sự chỉ đạo sát sao và kịp thời của Tỉnh ủy các tỉnh biên giới phía

Đông Bắc, hệ thống CSVC của nhà trường được củng cố và ngày càng phát triển. Ty GD các tỉnh đã chỉ đạo tập trung xây dựng trường lớp cho cấp III, cho các trường nội trú cấp I, II ở vùng cao, đầu tư cho một số trường cấp II trọng điểm của tỉnh.

Tuy nhiên, các công trình thiết bị do nhà nước cung cấp chưa thỏa đáng, chưa thể hiện sự ưu tiên hơn so với miền xuôi. “Yếu nhất là đồ dùng dạy học, thư viện, sách giáo khoa chưa đủ hoặc chưa có làm ảnh hưởng đến chất lượng giảng dạy và học tập. Trường sở nhiều nơi còn ọp ẹp, tạm bợ; bàn ghế thiếu, không đúng quy cách; phương tiện đồ dùng cần thiết cho giáo viên lắm nơi còn thiếu thốn rất nhiều”.

Tiểu kết chương 3

Quá trình thực hiện chủ trương của Đảng về GDPT ở các tỉnh biên giới phía Đông Bắc những năm 1965-1975 chịu tác động mạnh bởi những thuận lợi, khó khăn, thách thức đặt ra từ điều kiện kinh tế-xã hội của đất nước và địa bàn biên giới phía Đông Bắc. Từ kinh nghiệm rút ra trong thực tiễn thực hiện chủ trương của Đảng những năm 1954-1964, Tỉnh ủy các tỉnh biên giới phía Đông Bắc đã gắn phát triển GDPT trong tổng thể tiềm năng lợi thế của các tỉnh biên giới phía Đông Bắc. Đây là điểm mới trong nhận thức, tư duy của Tỉnh ủy các tỉnh biên giới phía Đông Bắc.

Quán triệt chủ trương của Trung ương Đảng và Khu ủy Việt Bắc, bám sát thực tiễn của địa phương thông qua kết quả điều tra, khảo sát, báo cáo tổng kết của các cấp, các ngành GD, Tỉnh ủy các tỉnh biên giới phía Đông Bắc đã lãnh đạo thực hiện chủ trương phát triển GDPT sát với đặc điểm của tình hình địa phương và đất nước. Trong quá trình chỉ đạo thực hiện, Đảng bộ cách tỉnh đã rà soát, kiểm tra và đề ra những phương hướng giải quyết kịp thời, điều chỉnh kịp thời những khó khăn, vướng mắc và những phát sinh trong thực tiễn nhằm đẩy mạnh phát triển GDPT. Bên cạnh đó, Đảng bộ các tỉnh còn phối hợp với Sở GD Việt Bắc trong việc chỉ đạo đào tạo, bồi dưỡng GV, xây dựng CSVC, nâng cao chất lượng GD cho HS. Việc phối hợp chỉ đạo đó gắn liền với nhiều ban ngành của Khu tự trị Việt Bắc (Ban Khoa giáo, Ban GD...), gắn liền với các đoàn thể chính trị xã hội. Do vậy, quá trình thực hiện chủ trương phát triển GDPT của

Đảng ở biên giới phía Đông Bắc trong những năm 1965-1975 có sự phối hợp chặt chẽ, kịp thời, đảm bảo tính thực tiễn, kế thừa và phát triển.

Chất lượng dạy học GDPT ở các tỉnh biên giới phía Đông Bắc dần được tiến bộ. Đội ngũ GV được tăng cường và ngày càng “nâng tầm thầy”. CSVC được xây dựng và ngày càng đảm bảo yêu cầu dạy và học của nhà trường. Công tác phòng không được đảm bảo. Công tác GDPT đối với miền núi, vùng cao hẻo lánh ngày càng được chú trọng. Bên cạnh đó, việc thực hiện chủ trương về GDPT của Đảng ở tỉnh biên giới phía Đông Bắc còn tồn tại một số hạn chế yếu kém. Việc phát triển cân đối giữa các vùng, các dân tộc tuy có biến chuyển, song còn chậm và không đều. Một số địa phương chưa có chỉ đạo sát sao trong công tác quản lý GD và công tác phòng không... Những ưu điểm và hạn chế trong quá trình thực hiện chủ trương của Đảng về GDPT ở các tỉnh biên giới phía Đông Bắc là cơ sở quan trọng để Tỉnh ủy các tỉnh biên giới phía Đông Bắc nói riêng, Đảng Lao động Việt Nam nói chung rút ra những bài học kinh nghiệm quý báu trong công tác phát triển GDPT trong giai đoạn tiếp theo.

Chương 4

NHẬN XÉT VÀ KINH NGHIỆM

4.1. Nhận xét

4.1.1. Về ưu điểm

Một là, bám sát sự biến đổi chung của hoàn cảnh lịch sử miền Bắc để thực hiện chủ trương của Đảng về giáo dục phổ thông ở các tỉnh biên giới phía Đông Bắc

Hai là, bước đầu căn cứ vào điều kiện thực tế của địa phương để thực hiện chủ trương của Đảng về giáo dục phổ thông

Ba là, phát huy vai trò của chính quyền và các đoàn thể chính trị-xã hội trong việc thực hiện chủ trương của Đảng về giáo dục phổ thông

Bốn là, luôn quan tâm đến công tác đào tạo và bồi dưỡng đội ngũ giáo viên

Năm là, cố gắng chỉ đạo để rút ngắn khoảng cách trình độ giáo dục phổ thông ở miền núi, nhất là vùng cao, hẻo lánh với miền xuôi

4.1.2. Về hạn chế và nguyên nhân

4.1.2.1. Hạn chế

Thứ nhất, chưa chỉ đạo hiệu quả công tác quản lý giáo dục trong việc xây dựng chất lượng giáo dục, đội ngũ giáo viên và cơ sở vật chất

Thứ hai, nhận thức của một số cấp ủy, chính quyền và đoàn thể còn chưa đầy đủ về vai trò của giáo dục phổ thông

Hai là, chưa chỉ đạo hiệu quả trong đảm bảo số lượng học sinh ở một số địa phương, ở một số dân tộc

4.1.2.2. Nguyên nhân của hạn chế

Về khách quan:

Về chủ quan:

4.2. Kinh nghiệm

4.2.1. Nhận thức đúng và đầy đủ về vị trí, vai trò của giáo dục phổ thông đối với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc ở các tỉnh biên giới phía Đông Bắc

4.2.2. Nắm vững tính đặc thù địa phương trong việc thực hiện chủ trương của Đảng về giáo dục phổ thông

4.2.3. Chú trọng công tác đào tạo và bồi dưỡng giáo viên phổ thông miền núi

4.2.4. Quán triệt quan điểm sự nghiệp giáo dục là sự nghiệp của toàn dân, toàn xã hội

4.2.5. Đề cao công tác quản lý giáo dục trong hoạt động xây dựng chất lượng giáo dục, đội ngũ giáo viên và cơ sở vật chất

Tiểu kết chương 4

Trong những năm 1954-1975, quá trình thực hiện chủ trương của Đảng về GDPT ở các tỉnh biên giới phía Đông Bắc đã giúp cho ngành GDPT phát triển. Trong đó, giai đoạn 1954-1964 là giai đoạn xây dựng nền tảng, cơ sở cho GDPT phát triển bền vững, với việc Khu ủy Việt Bắc, Tỉnh ủy các tỉnh biên giới phía Đông Bắc chỉ đạo thành lập nhiều trường sư phạm cấp I, cấp II và hệ thống trường bồi dưỡng tỉnh nhằm đào tạo và bồi dưỡng GV; mạng lưới trường học PT từng bước được xây dựng ở các vùng thấp và một số trung tâm ở vùng cao; các tỉnh bước đầu đều có trường PT toàn cấp; chất lượng GD toàn diện bước đầu được xây dựng; bước đầu thiết lập hệ thống quản lý GD, dựa vào

nhân dân trong việc xây dựng CSVC. Giai đoạn 1965-1975 là giai đoạn chuyển hướng GD từ thời bình sang thời chiến, từ thời chiến sang thời bình luôn tính đến trường hợp xảy ra chiến tranh. Trong giai đoạn này, quá trình thực hiện chủ trương của Đảng về GDPT ở các tỉnh biên giới phía Đông Bắc có bước phát triển hướng đến các vùng cao, vùng xa xôi hẻo lánh. Số lượng, tỷ lệ HS dân tộc tăng lên và chiếm tỷ lệ tương xứng với mật độ dân cư phân bố ở một số nơi thuộc tỉnh Lạng Sơn và Cao Bằng. Khu ủy Việt Bắc và Tỉnh ủy các tỉnh biên giới phía Đông Bắc đã chỉ đạo nâng cao chất lượng đào tạo và bồi dưỡng GV; chỉ đạo xây dựng được nhiều mô hình dạy tốt, học tốt tiên tiến; xây dựng CSVC gắn với công tác phòng không.

Trong quá trình thực hiện chủ trương của Đảng về GDPT ở các tỉnh biên giới phía Đông Bắc từ năm 1954 đến năm 1975, Khu ủy Việt Bắc, Tỉnh ủy các tỉnh biên giới phía Đông Bắc đã bám sát sự biến đổi chung của hoàn cảnh lịch sử miền Bắc để thực hiện chủ trương của Đảng về GDPT; luôn quan tâm đến công tác đào tạo và bồi dưỡng đội ngũ giáo viên. Tỉnh ủy các tỉnh biên giới phía Đông Bắc đã bước đầu căn cứ vào điều kiện thực tế của địa phương; phát huy vai trò của chính quyền và các đoàn thể chính trị-xã hội trong việc thực hiện chủ trương của Đảng về GDPT; cố gắng chỉ đạo để rút ngắn khoảng cách trình độ GDPT ở miền núi, nhất là vùng cao, hẻo lánh với miền xuôi. Bên cạnh những ưu điểm đó, Khu ủy Việt Bắc, Tỉnh ủy các tỉnh biên giới phía Đông Bắc đã chưa chỉ đạo hiệu quả công tác quản lý GD trong việc xây dựng chất lượng GD, đội ngũ GV và CSVC. Một số một số cấp ủy, chính quyền và đoàn thể còn chưa nhận thức đầy đủ về vai trò của GDPT.

Trên cơ sở những ưu điểm và hạn chế trên, một số bài học được rút ra từ quá trình thực hiện chủ trương của Đảng về GDPT ở các tỉnh biên giới phía Đông Bắc từ năm 1954 đến năm 1975 là: 1) Nhận thức đúng và đầy đủ về vị trí, vai trò của GDPT đối với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc ở các tỉnh biên giới phía Đông Bắc; 2) Nắm vững tính đặc thù địa phương trong việc thực hiện chủ trương của Đảng về GDPT; 3) Chú trọng công tác đào tạo và bồi dưỡng GV miền núi; 4) Quán triệt quan điểm sự nghiệp GD là sự nghiệp của toàn dân, toàn xã hội; 5) Đề cao công tác quản lý GD trong hoạt động xây dựng chất lượng GD, đội ngũ GV và CSVC.

KẾT LUẬN

1. Từ năm 1954 đến năm 1975 là thời kỳ miền Bắc tiến hành cách mạng XHCN. Trong thời kỳ này, Đảng đã đề ra đường lối, chủ trương phát triển GDPT phục vụ cho công cuộc xây dựng và bảo vệ CNXH ở miền Bắc, thực hiện nghĩa vụ hậu phương lớn chi viện cho tiền tuyến lớn miền Nam. Chủ trương của Đảng về GDPT từ năm 1954 đến năm 1975 của Đảng có thể chia thành hai giai đoạn 1954-1964 và 1965-1975. Trong đó, giai đoạn 1954-1964, Đảng chủ trương: Tiếp tục xây dựng, phát triển GDPT, huy động sự tham gia rộng rãi của nhân dân, thống nhất hai hệ thống giáo dục, đào tạo thế hệ trẻ thành người lao động có văn hóa, kỹ thuật, sức khỏe, giác ngộ XHCN, đưa GDPT góp phần thực hiện nhiệm vụ thống nhất đất nước, xây dựng CNXH. Trong giai đoạn 1965-1975, Đảng nhanh chóng chỉ đạo chuyển hướng cách mạng, chuyển hướng các lĩnh vực kinh tế, xã hội trong đó có GDPT. Về quan điểm: kết hợp GD với lao động sản xuất, kết hợp lý luận với thực tế, GD nhà trường với GD của xã hội; phù hợp với khả năng kinh tế và yêu cầu của nhiệm vụ khôi phục, phát triển kinh tế. Về mục tiêu và nhiệm vụ: GDPT gắn mục tiêu cấp bách với mục tiêu lâu dài của sự nghiệp xây dựng CNXH ở miền Bắc, phát triển GDPT đúng với tầm quan trọng của nó trong cuộc cách mạng tư tưởng và văn hoá. Về phương hướng, giải pháp: GDPT hướng đến một số trọng tâm về công tác đào tạo, bồi dưỡng GV, cán bộ quản lý; về công tác chất lượng giảng dạy, trước hết là GD tư tưởng, chính trị; về quy mô và CSVC, kết hợp với công tác phòng không (từ năm 1965 đến năm 1973).

2. Quá thực hiện chủ trương của Đảng về GDPT ở các tỉnh biên giới phía Đông Bắc từ năm 1954 đến năm 1975 gắn liền với các chủ thể lãnh đạo sau: 1- Liên khu ủy Việt Bắc chỉ đạo Tỉnh ủy Lạng Sơn, Cao Bằng, Hà Giang và Hải Ninh (1954-1956); 2- Khu ủy Khu tự trị Việt Bắc có vai trò như “một tổ chức đảng đặc biệt” trực tiếp chỉ đạo Tỉnh ủy Lạng Sơn, Cao Bằng, Hà Giang (1959-1975), Hải Ninh (1959-1963) thực hiện chủ trương của Đảng về GDPT; 3- Tỉnh ủy các tỉnh biên giới phía Đông Bắc (có vai trò trực tiếp trong việc lãnh đạo thực hiện chủ trương của Đảng về GDPT ở địa phương). Quá trình thực hiện chủ trương của Đảng về GDPT ở các tỉnh biên giới phía Đông Bắc từ năm 1954

đến năm 1975 còn chịu sự tác động của nhiều yếu tố: Điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội và truyền thống văn hóa- GD; đặc điểm tình hình Việt Nam sau năm 1954 và nhiệm vụ cách mạng miền Bắc, của các tỉnh biên giới phía Đông Bắc; thực trạng GDPT trước năm 1954 và nhu cầu phát triển GDPT ở các tỉnh biên giới phía Đông Bắc.

3. Thực tiễn quá trình thực hiện chủ trương của Đảng về GDPT ở các tỉnh biên giới phía Đông Bắc từ năm 1954 đến năm 1975 đã có những ưu điểm to lớn, nhưng đồng thời vẫn tồn tại một số hạn chế nhất định. Về ưu điểm, Khu ủy Việt Bắc, Tỉnh ủy các tỉnh biên giới phía Đông Bắc đã bám sát sự biến đổi chung của hoàn cảnh lịch sử miền Bắc để thực hiện chủ trương của Đảng về GDPT; đồng thời, luôn quan tâm đến công tác đào tạo và bồi dưỡng đội ngũ GV. Tỉnh ủy các tỉnh biên giới phía Đông Bắc đã bước đầu căn cứ vào điều kiện thực tế của địa phương; phát huy vai trò của chính quyền và các đoàn thể chính trị-xã hội trong việc thực hiện chủ trương của Đảng về GDPT; cố gắng chỉ đạo để rút ngắn khoảng cách trình độ GDPT ở miền núi, nhất là vùng cao, hẻo lánh với miền xuôi. Về hạn chế, Khu ủy Việt Bắc, Tỉnh ủy các tỉnh biên giới phía Đông Bắc đã chưa chỉ đạo hiệu quả công tác quản lý GD trong việc xây dựng chất lượng GD, đội ngũ GV và CSVC. Một số một số cấp ủy, chính quyền và đoàn thể còn chưa nhận thức đầy đủ về vai trò của GDPT.

4. Từ những ưu điểm và hạn chế trong quá trình thực hiện chủ trương của Đảng về GDPT ở các tỉnh biên giới phía Đông Bắc từ năm 1954 đến năm 1975, một số kinh nghiệm có giá trị tham khảo được rút ra là: 1) Nhận thức đúng và đầy đủ về vị trí, vai trò của GDPT đối với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc ở các tỉnh biên giới phía Đông Bắc; 2) Nắm vững tính đặc thù địa phương trong việc thực hiện chủ trương của Đảng về GDPT; 3) Chú trọng công tác đào tạo và bồi dưỡng GV miền núi; 4) Quán triệt quan điểm sự nghiệp GD là sự nghiệp của toàn dân, toàn xã hội; 5) Đề cao công tác quản lý GD trong hoạt động xây dựng chất lượng GD, đội ngũ GV và CSVC.

5. Quá thực hiện chủ trương của Đảng về GDPT ở các tỉnh biên giới phía Đông Bắc có những điểm khác biệt so với các tỉnh, thành ở miền Bắc trong những năm 1954-1975. So với các tỉnh biên giới Tây Bắc, điểm khác của việc thực hiện chủ trương của Đảng về GDPT ở các tỉnh biên giới phía Đông Bắc có

lúc gắn liền với công tác phòng không, vì các tỉnh biên giới phía Đông Bắc giáp với Trung Quốc là nơi trung chuyển của hậu phương quốc tế của Việt Nam trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước. Do đó, các tỉnh biên giới phía Đông Bắc là điểm phá hoại quan trọng của Mỹ trong hai cuộc chiến tranh phá hoại miền Bắc bằng không quân. So với các tỉnh miền xuôi, việc thực hiện chủ trương ở các tỉnh biên giới phía Đông Bắc chú trọng đến việc phát triển GDPT của các con em dân tộc thiểu số và chia ra từng vùng, đặc biệt chú ý đến vùng cao, vùng dân tộc ít người, hẻo lánh, biên cương.

6. Tháng 12-1975, Khu tự trị Việt Bắc bị giải thể. Chủ thể lãnh đạo thực hiện chủ trương của Đảng ở các tỉnh biên giới phía Đông Bắc từ năm 1976 là Tỉnh ủy các tỉnh biên giới phía Đông Bắc. Trong thời kỳ 1979, quá trình thực hiện chủ trương của Đảng về GDPT ở các tỉnh biên giới phía Đông Bắc bị tác động tiêu cực của cuộc chiến tranh biên giới Việt-Trung (1979-1989). Nhiều trường PT, cơ sở vật chất dạy học của các tỉnh Lạng Sơn, Cao Bằng và Hà Giang bị thiệt hại nặng nề. Các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng GV đều bị phá hủy, phải đi sơ tán. HS ở các tỉnh biên giới phía Đông Bắc phải nghỉ học và đi sơ tán. Từ năm 1980, bước ra thời gian chiến tranh ác liệt của cuộc chiến tranh biên giới Việt - Trung với những hậu quả hết sức nặng nề, lại bị tác động tiêu cực của cuộc khủng hoảng kinh tế - xã hội, ngành GD các tỉnh biên giới phía Đông Bắc bắt tay vào công cuộc khôi phục lại và xây dựng lại mạng lưới trường, lớp và bắt tay tổ chức giảng dạy, đào tạo GV, chuyển hệ PT từ 10 năm sang 12 năm trong điều kiện hết sức khó khăn. Trong giai đoạn 1979-1986 là thời gian thực hiện chủ trương của Đảng về GDPT ở các tỉnh biên giới phía Đông Bắc chịu “sức nặng”, “sức ỳ” từ nhiều phía. Quá trình thực hiện chủ trương của Đảng về GDPT trong thời gian 1976-1986 ở các tỉnh biên giới phía Đông Bắc gắn liền với việc khôi phục hệ thống trường lớp, CSVC rất thiếu thốn, hoạt động dạy và học bị bó hẹp... Có thể nói, trong thời gian 1979-1986, quá trình thực hiện chủ trương của Đảng về GDPT ở các tỉnh biên giới phía Đông Bắc là sự “cầm chừng”, chờ điều kiện thuận lợi để vực dậy và phát triển GDPT. Đây là điểm khác nhau căn bản nhất với thời kỳ 1954-1975 (“tận lực phát triển giáo dục phổ thông”).